



HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

**MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG
QUẢN TRỊ CÔNG VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH:
NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH TIỀN GIANG**

Nhóm nghiên cứu:

TS. Lê Văn Chiến

TS. Bùi Phương Đình

TS. Lương Thu Hiền

TS. Hà Việt Hùng

TS. Đặng Ánh Tuyết

Nghiên cứu này có sử dụng kết quả nghiên cứu “Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2010. Thông tin chi tiết tại www.papi.vn.

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ (SDC) đã tài trợ cho nghiên cứu này!

HÀ NỘI - 2012

Nội dung

1. Giới thiệu	2
Mục tiêu và mục đích nghiên cứu.....	3
Câu hỏi nghiên cứu	4
Phương pháp nghiên cứu.....	5
2. Một số đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tiền Giang	5
Đặc điểm tự nhiên.....	5
Tình hình kinh tế xã hội Tiền Giang 2010.....	7
Về thu chi ngân sách	11
3. Một số nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh ở Tiền Giang	12
3.1. Nội dung thứ nhất: Công khai minh bạch thông qua lựa chọn danh sách hộ nghèo.....	12
3.2. Nội dung thứ hai. Chất lượng dịch vụ y tế.....	17
3.3. Nội dung thứ ba: Hiệu quả cung ứng thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng.....	21
3.4. Nội dung thứ tư: Thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở.....	24
4. Một số kết quả nghiên cứu	27
5. Một số kiến nghị	29
Tài liệu tham khảo	31

Bài viết nghiên cứu này do một nhóm chuyên gia về nghiên cứu chính sách của Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện. Các nhận định, đánh giá đưa ra trong báo cáo là của nhóm tác giả, không phải của một cơ quan hay tổ chức chính thức nào. Các thông tin chỉ có ý nghĩa tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị nhà nước và chính sách công.

1. Giới thiệu

Với một quốc gia, hoạt động của bộ máy hành chính, chất lượng của các dịch vụ công do các cấp chính quyền cung ứng là những nhân tố vô cùng quan trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Ở Việt Nam, gần đây đã có một số công trình nghiên cứu ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp về chất lượng quản trị công của chính quyền cấp tỉnh. Một trong số đó là nghiên cứu điều tra của Tổ chức phát triển liên hiệp quốc (UNDP) phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Trung tâm nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng về “chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI)” được thực hiện hàng năm, từ năm 2009. Đây là nghiên cứu điều tra ý kiến đánh giá của người dân về chất lượng dịch vụ công và thủ tục hành chính do các cấp chính quyền tỉnh, huyện, xã cung cấp. Theo quan điểm của PAPI, chất lượng quản trị và hành chính công có thể được đo lường thông qua 3 quy trình chính sách có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, đó là (i) hoạch định chính sách; (ii) thực thi chính sách và (iii) giám sát thực thi chính sách. Cũng theo PAPI, *hiện nay có hai phương pháp đánh giá kết quả hoạt động của chính quyền các cấp: (i) đánh giá từ góc độ của đơn vị cung ứng dịch vụ (còn gọi là đánh giá từ phía cung), và (ii) đánh giá từ góc độ của người dân sử dụng dịch vụ (đánh giá từ phía cầu)*. PAPI đã được thiết kế theo phương thức đánh giá thứ 2 để đánh giá hoạt động của chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố. Cụ thể, PAPI đánh giá chất lượng của quản trị và hành chính công cấp tỉnh thông qua đánh giá của người dân về 6 nội dung lớn: (i) Sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở; (ii) Tính công khai minh bạch; (iii) Trách nhiệm giải trình với người dân; (iv) Kiểm soát tham nhũng; (v) Thủ tục hành chính; và (vi) Cung cấp dịch vụ công.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng để có thể đánh giá toàn diện hơn và đưa ra giải pháp thỏa đáng nhằm cải thiện chất lượng quản trị công của các tỉnh thì cần xem xét đến những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng quản trị đó. Do vậy, chúng tôi đã lựa chọn đánh giá hoạt động của các cấp chính quyền theo cách thứ nhất, *đánh giá từ góc độ của đơn vị cung ứng dịch vụ (còn gọi là đánh giá từ phía cung)*. Nói cách khác, nghiên cứu này tập trung tìm hiểu những khó khăn thuận lợi mà các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã phải đối mặt hàng ngày có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến chất lượng hoạt động của họ.

Mục tiêu và mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu này hướng đến đánh giá kết quả hoạt động của chính quyền các cấp từ góc độ của đơn vị cung ứng dịch vụ (đánh giá từ phía cung). Cụ thể, đây là nghiên

cứu nhằm tìm kiếm các nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả thực trạng quản trị công tại Tiền Giang.

- Mục đích chính của nghiên cứu này là phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố “đầu vào” và “đầu ra” của quản trị và hành chính công cấp tỉnh tại Tiền Giang .
- Cụ thể, nghiên cứu này nhằm tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh hay những khó khăn mà đội ngũ cán bộ công chức các cấp trong hệ thống chính trị từ tỉnh, huyện, xã phải đối mặt hàng ngày trong khi thực hiện nhiệm vụ phục vụ nhân dân của mình. Thông qua nghiên cứu thực tế, chúng tôi mong muốn sẽ đưa ra một số gợi ý chính sách để giúp nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân của chính quyền các cấp.

Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm trả lời một câu hỏi chung là: Những nhân tố nào có ảnh hưởng đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh tại Tiền Giang?

Để trả lời được câu hỏi lớn này, nghiên cứu sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi nhỏ sau đây:

- (i) Điều kiện tự nhiên, kinh tế chính trị của Tỉnh Tiền Giang có ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị công?
- (ii) Đội ngũ cán bộ (số lượng và chất lượng và chế độ đãi ngộ) ở các cấp chính quyền ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị?
- (iii) Nguồn lực tài chính dành cho các cấp chính quyền theo từng lĩnh vực hoạt động có ảnh hưởng gì đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh?
- (iv) Chính sách hoặc chương trình nào giúp các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình? Cam kết chính trị của lãnh đạo tỉnh có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh?

Tuy nhiên, do điều kiện hạn chế về nguồn lực cũng như có điều kiện tìm hiểu sâu nên chúng tôi chỉ giới hạn nghiên cứu của mình trong phạm vi nghiên cứu những nhân tố kể trên ảnh hưởng đến chất lượng thực (i) *hiện chính sách xóa đói giảm nghèo*; (ii) *việc thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở*; (iii) *chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh*; và (iv) *thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng*.

Phương pháp nghiên cứu

Để trả lời những câu hỏi nghiên cứu này chúng tôi lựa chọn nghiên cứu Tiền Giang và so sánh với Long An. Lý do là Tiền Giang và Long An đều thuộc đối tượng nghiên cứu của PAPI và cùng nằm trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long, có điều kiện tự nhiên khá giống nhau nhưng kết quả nghiên cứu của PAPI cho thấy từng mặt của quản trị công ở hai tỉnh là rất khác nhau. Tại Tiền Giang, thành phố Mỹ Tho và huyện Gò Công Tây là đơn vị cấp huyện được lựa chọn và Phường 7 và Thị trấn Vĩnh Bình là đơn vị cấp xã/phường trong nghiên cứu này. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là nghiên cứu tài liệu có sẵn, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Những kết quả nghiên cứu thông qua phương pháp này theo chúng tôi đã đáp ứng được việc trả lời các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra ban đầu.

Các cơ quan của Tiền Giang mà chúng tôi đã có các cuộc tọa đàm, phỏng vấn là Tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân Tỉnh, Văn phòng UBND Tỉnh, Sở y tế, Sở lao động thương binh xã hội, Sở xây dựng, Sở tài chính. Ở cấp huyện, chúng tôi đã có buổi tọa đàm và phỏng vấn cán bộ văn phòng UBND TP Mỹ Tho và Huyện Gò Công Tây, tại đó có sự tham dự của cán bộ các phòng ban liên quan như Phòng y tế, Phòng LĐ TBXH, Phòng tài chính, Phòng kinh tế hạ tầng, Trung tâm y tế thành phố Mỹ Tho, Trung tâm y tế huyện Gò Công Tây. Ở cấp phường/xã, chúng tôi đã tọa đàm và phỏng vấn cán bộ thuộc Đảng ủy, UBND Phường 7 (TP Mỹ Tho) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây).

2. Một số đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của Tiền Giang

Đặc điểm tự nhiên



Tiền Giang là tỉnh vừa thuộc Vùng đồng bằng sông Cửu Long, vừa nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; Phía Bắc và Đông Bắc giáp Long An và TP. Hồ Chí Minh, cách trung tâm TP Hồ Chí Minh khoảng 70 km, phía Tây giáp Đồng Tháp, phía Nam giáp Bến Tre và Vĩnh Long, phía Đông giáp biển Đông. Tiền Giang nằm trải dọc trên bờ Bắc sông Tiền (một nhánh của sông Mê Kông) với chiều dài 120km. Diện tích tự nhiên là 2.481,77 km², chiếm khoảng 6% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long, 8,1% diện tích Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, 0,7% diện tích cả nước, trong đó nhóm đất phù sa chiếm 53% tổng diện tích tự nhiên (125.431 ha) thích hợp cho trồng lúa năng suất cao và vườn cây ăn trái; nhóm đất mặn chiếm 14,6% tổng diện tích tự nhiên (34.552ha), nhóm đất phèn chiếm diện tích 19,4% diện tích tự nhiên (45.912ha). Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính cấp huyện (8 huyện, 01 thành phố, 01 thị xã) và 169 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó, thành phố Mỹ Tho, thủ phủ của Tỉnh, là đô thị loại 2.

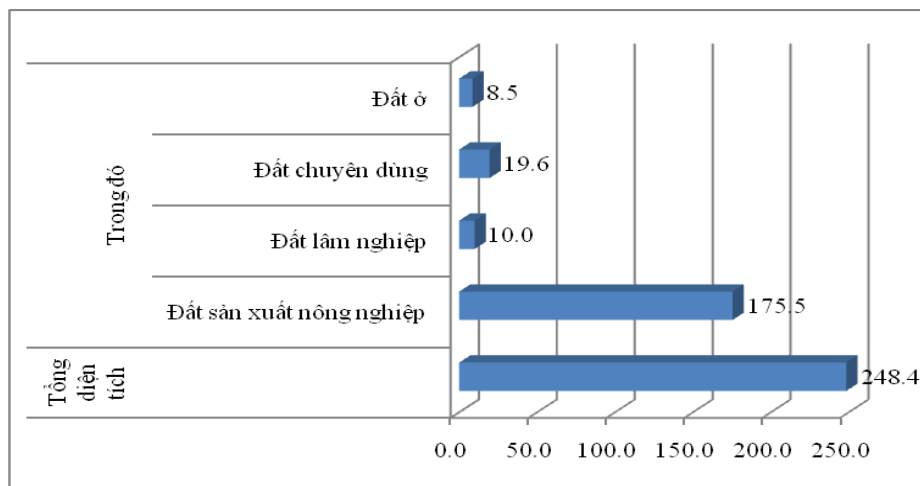
Tiền Giang là tỉnh có nhiều tiềm năng về du lịch với nhiều di tích văn hóa lịch sử và sinh thái như: di tích văn hóa Óc Eo, Gò Thành; di tích lịch sử Rạch Gầm - Xoài Mút, di tích Ấp Bắc, lũy Pháo Đài; nhiều lăng mộ, đền chùa như lăng Trương Định, lăng Hoàng Gia, lăng Tứ Kiệt, chùa Vĩnh Tràng, chùa Bửu Lâm, chùa Sắc Tứ... các điểm du lịch sinh thái mới được tôn tạo như: vườn cây ăn quả ở cù lao Thới Sơn, Ngũ Hiệp, Trại rắn Đồng Tâm, khu sinh thái Đồng Tháp Mười, biển Gò Công...

Mạng lưới viễn thông Tiền Giang được hiện đại hóa và triển khai đồng loạt trong toàn tỉnh, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong nước và quốc tế. Điện lưới quốc gia đến toàn bộ trung tâm các xã, phường, thị trấn.

Mạng lưới giao thông đường bộ khá hoàn chỉnh - đặc biệt là tuyến đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh-Trung Lương vừa mới đưa vào vận hành đã giúp rút ngắn đáng kể khoảng cách thời gian từ thành phố Mỹ tho đến thành phố Hồ Chí Minh. Mạng lưới sông, rạch chằng chịt, bờ biển dài thuận lợi cho việc giao lưu trao đổi hàng hoá với các khu vực lân cận đồng thời là môi trường cho việc nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản.

Khoáng sản Tiền Giang có mỏ đất sét Tân Lập với trữ lượng hơn 6 triệu m³, chất lượng tốt, có thể sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp, đồ gốm; và trên 1 triệu m³ than bùn có thể làm phân vi sinh hữu cơ. Ngoài ra, còn trữ lượng cát dọc sông Tiền phục vụ cho san lấp mặt bằng và tài nguyên nước khoáng, nước nóng.

Hình 1: Hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm 1/1/2009 (Ngàn ha)



Nguồn: TCTK

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, vào thời điểm ngày 1/1/2009, đất đai dành để sản xuất nông nghiệp đã chiếm trên 70% diện tích tự nhiên toàn Tỉnh (175,5 ngàn ha); đất dành cho lâm nghiệp là 10 ngàn ha, tương đương 4% diện tích tự nhiên; đất chuyên dùng chiếm 19,6 ngàn ha, tương đương 7,8%, và đất ở chỉ chiếm 8,5 ngàn ha, tương đương 3,4% đất tự nhiên. Với cơ cấu sử dụng đất đai như vậy cho thấy trong những năm qua kinh tế Tiền Giang vẫn chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, vì vậy việc quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp thế nào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến xu hướng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, đây cũng có thể là một trong những chỉ số đo lường chất lượng quản trị công của Tiền Giang.

Tình hình kinh tế xã hội Tiền Giang 2010

Năm 2010, giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn Tỉnh theo giá năm 1994 đạt khoảng 13.767 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2009. Trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 5,5%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 16,7%, khu vực dịch vụ tăng 11,5%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 20,9 triệu đồng/người/năm; tương đương 1.094 USD/người/năm. Bảng 1 cho thấy tốc độ tăng giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn Tỉnh trong 3 năm 2008-2010. Qua bảng 1 cho thấy, nếu số liệu thống kê của Tỉnh là chính xác¹, dù kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn suy thoái nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế ở Tiền Giang là rất cao. Trong khi tốc độ tăng GDP chung của cả nước chỉ đạt mức 5-6% trong 5 năm qua thì Tiền Giang thường xuyên đạt tốc độ trên 9%/năm, cao gần gấp đôi so với mức tăng trung của cả nền kinh tế.

¹ Thực tế ở Việt Nam, nhiều tỉnh đã báo cáo con số tăng trưởng kinh tế cao hơn hiện thực

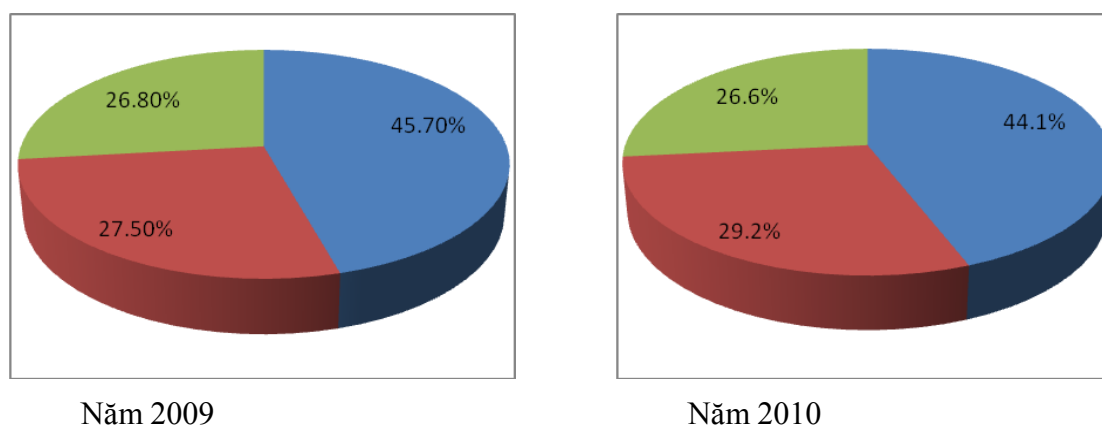
Bảng 1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước -Theo giá so sánh năm 1994

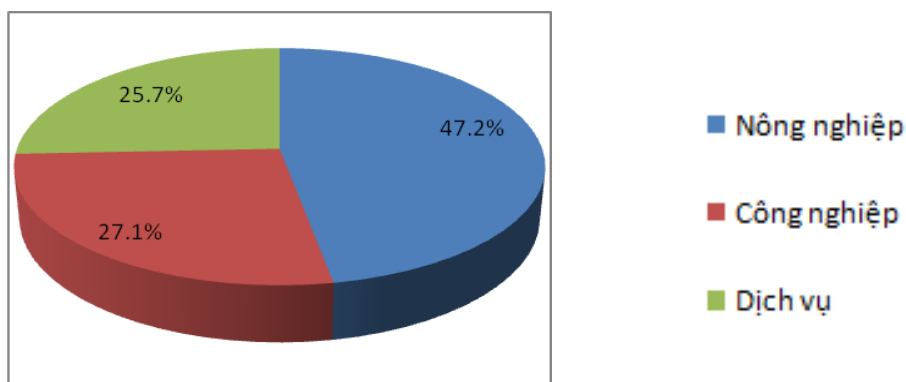
	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước-%			Đóng góp vào tăng trưởng % (2010)
	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	
Tổng số	11,3	9,2	10,6	10,6
Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6,5	5,4	5,5	2,0
Khu vực Công nghiệp và xây dựng	16,4	15,3	16,7	4,2
Khu vực Dịch vụ	13,1	9,2	11,5	4,4

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh Tiền Giang 2010

Hình 2 mô tả cơ cấu kinh tế của Tiền Giang trong các năm từ 2009 đến 2011. Qua cơ cấu kinh tế của Tỉnh cho thấy, Tiền Giang vẫn là tỉnh sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Tỷ trọng của nông nghiệp trong giá trị tổng sản phẩm thường xuyên ở mức 45%, trong khi công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng tương đương nhau, khoảng 26-27%. Nếu so với quan niệm chung hiện nay là nền kinh tế càng hiện đại thì tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp trong nền kinh tế càng cao thì cơ cấu kinh tế của Tiền Giang còn khá lạc hậu so với mức trung bình của cả nước (Cơ cấu GDP của cả nước năm 2010 là nông nghiệp chiếm 20,6%; công nghiệp chiếm 41,1%, và dịch vụ chiếm 38,3%). Tuy nhiên, điều này hoàn toàn có thể giải thích được do Tiền Giang là tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, vựa lúa của cả nước, nơi điều kiện địa hình, đất đai có lợi thế với phát triển nông nghiệp hơn là phát triển công nghiệp.

Hình 2: Cơ cấu tổng sản phẩm của Tiền Giang





Năm 2011

Nguồn: Thống kê tỉnh Tiền Giang

Dân số trung bình của Tiền Giang hiện nay đạt khoảng 1,7 triệu người, chiếm khoảng 9,8% dân số Vùng đồng bằng sông Cửu Long, 11,4% dân số Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và 1,9% dân số cả nước. Mật độ dân số là 675 người/km², cao gấp 1,5 lần mật độ dân số trung bình của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (426 người/km²), cao gấp 3 lần mật độ dân số trung bình trong cả nước (263 người/km²), cao gấp 2 lần mật độ dân số của Long An, tỉnh mà chúng tôi cũng khảo sát nghiên cứu ở Khu vực phía Nam.

Là một tỉnh nông nghiệp nên dân số của tỉnh chủ yếu sống ở vùng nông thôn, có tới 86% dân số của Tiền Giang đang sống ở nông thôn, chỉ có 14% dân số sống ở đô thị. So với mức bình quân của cả nước thì tỷ lệ dân số sống ở nông thôn của Tiền Giang còn quá lớn, cho thấy có thể tốc độ đô thị hóa của Tỉnh trong những năm qua còn chậm.

Lực lượng lao động (dân số trong độ tuổi từ 15 đến 60) của tỉnh đạt khoảng 1 triệu người, chiếm 60% dân số. Có thể nói đây là một tỷ lệ khá lý tưởng cho việc phát triển kinh tế của Tỉnh.

Theo thống kê Tiền Giang, trong những năm qua tình hình dân số khá ổn định, biến đổi về dân số của Tỉnh chủ yếu là do biến động cơ học gây nên. Năm 2011, tỷ lệ tăng dân số của Tỉnh là 0,96%. Trong năm, toàn Tỉnh đã tạo việc làm thêm cho 22.350 lao động; dạy nghề cho lao động nông thôn, người nghèo, người tàn tật được 8.662 người, đã có 147 người đi xuất khẩu lao động.

Bảng 2: Dân số và lao động Tiền Giang

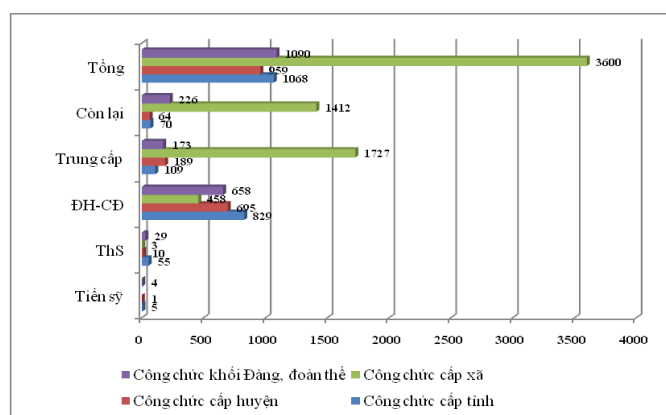
Dân số và Lao động	2005	2007	2008	2009	2010

Dân số (ngàn người)	1650.1	1661.6	1668.0	1672.8	1677.0
Mật độ DS (người/km ²)	664.2	668.9	671.4	673.4	675.1
Thành thị (ngàn người)	222.3	226.3	228.4	229.0	232.4
Tỷ lệ %	13.5	13.6	13.7	13.7	13.9
Nông thôn (ngàn người)	1427.8	1435.3	1439.6	1443.8	1444.6
Tỷ lệ %	86.5	86.4	86.3	86.3	86.1
Lao động (ngàn người)	908.7	993.7	948.4	1018.2	1011.5
Tỷ lệ %	55.1	59.8	56.9	60.9	60.3

Nguồn tổng cục thống kê

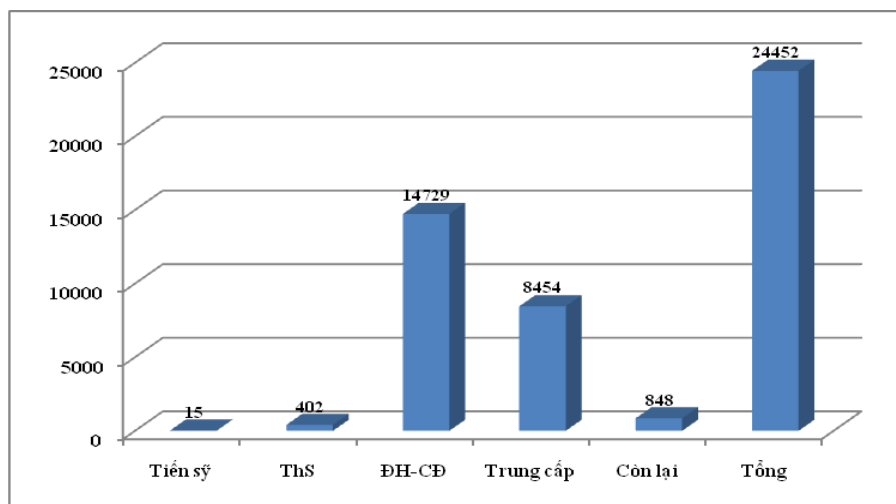
Toàn bộ đội ngũ cán bộ công chức, viên chức của Tiền Giang là 31.170 người, trong đó có 6.718 cán bộ công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã và 24.452 viên chức. Trong tổng số cán bộ công chức viên chức của tỉnh, số người có trình độ đại học chiếm tỷ lệ cao nhất (55,7%), chỉ có 15 người có bằng tiến sĩ (chiếm 0,08%); số người có bằng thạc sĩ là 499 người (chiếm 1,6%). Nếu chỉ tính số cán bộ công chức cấp tỉnh (bao gồm cán bộ UBND, các sở, ban ngành của Tỉnh) thì Tiền Giang có 1068, ít hơn một chút so với 1200 người của Long An. Về trình độ của công chức cấp tỉnh, Tiền Giang có 77,6% có trình độ đại học, cao đẳng, cao hơn mức trung bình khoảng 70% của Long An. Số cán bộ có bằng sau đại học chiếm 5,6%, cao hơn mức 3-4% của Long An.

Hình 3: Cơ cấu cán bộ công chức Tiền Giang



Nguồn: Báo cáo của Sở Nội Vụ Tiền Giang

Hình 4. Cơ cấu viên chức Tiền Giang



Nguồn: Báo cáo của Sở Nội Vụ Tiền Giang

Về thu chi ngân sách

Theo báo cáo của Sở Tài Chính và Cục Thống kê Tiền Giang, tổng thu ngân sách của Tỉnh năm 2010 đạt 7.857,2 tỷ đồng. Riêng năm 2011, trong tổng thu ngân sách 6.628,3 tỷ đồng thì có 3.462,4 tỷ đồng (chiếm 52% tổng thu) là thu từ kinh tế địa phương (bao gồm các khoản thu nội địa, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu từ xổ số kiến thiết quản lý qua ngân sách); 1.688,6 (chiếm 25%) tỷ đồng là thu do nhận bổ sung từ ngân sách trung ương; 99,1 tỷ đồng là thu từ các khoản vay như vay Kho bạc Nhà nước theo Khoản 3 điều 8 Luật ngân sách, vay tín dụng ưu đãi để phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn.); 1.378,2 tỷ đồng là thu kết dư từ năm 2010 chuyển sang.

Về chi ngân sách Tỉnh, năm 2010 tổng chi của Tiền Giang đạt mức 7.405,5 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 2.601,8 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển là 1.629,2 tỷ đồng, còn lại là các khoản chi khác và tồn quỹ. Năm 2011, chi ngân sách tỉnh đạt mức 6.197,9 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt mức 3.266,7 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt mức 2.218 tỷ đồng.

Bảng 3: Thu chi ngân sách (triệu VND)

	2010	2011
Tổng thu	7.857.159	6.628.271
Trong đó - thu từ kinh tế địa phương	3.079.140	3.462.420

-Thu từ kinh tế nhà nước	197.094	230.000
-Thu thuế công thương nghiệp ngoài QD	790.615	950.000
-Thu từ DN FDI	398.893	460.000
Tổng chi	7.405.475	6.197.898
Trong đó chi đầu tư phát triển	1.629.226	2.218.040
Chi thường xuyên	2.601.888	3.266.746
Trong đó		
- Sự nghiệp kinh tế	282.810	473.573
- Sự nghiệp văn xã	1.613.236	1.996.613
- Quản lý hành chính	534.558	577.166

Nguồn: Niên giám thống kê Tiền Giang.

3. Một số nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh ở Tiền Giang

Phần này chúng tôi sẽ mô tả lại xếp hạng của Tiền Giang trong nghiên cứu PAPI về hiệu quả của quản trị và hành chính công năm 2010. Sau đó, ở mỗi trục nội dung chúng tôi cố gắng tìm hiểu nguyên nhân ảnh hưởng đến vị trí của Tỉnh trong bảng xếp hạng và so sánh với Long An chúng tôi đã khảo sát, nghiên cứu.

3.1. Nội dung thứ nhất: Công khai minh bạch thông qua lựa chọn danh sách hộ nghèo.

Khái niệm minh bạch trong quản trị ở cấp cơ sở được thể hiện trong pháp lệnh dân chủ cơ sở thông qua “quyền được biết” về những quyết định mà chính quyền cấp xã/phường phải thông báo cho người dân. Những thông tin này thường bao gồm nghị quyết của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân, các chính sách và công cụ pháp lý của nhà nước, các loại phí hành chính, thuế hay phí của chính phủ, số liệu tài chính hàng năm của xã/phường. Những thông tin này thường được trình bày dưới hình thức các bản phô-tô dán trên bảng tin bên ngoài trụ sở ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.²

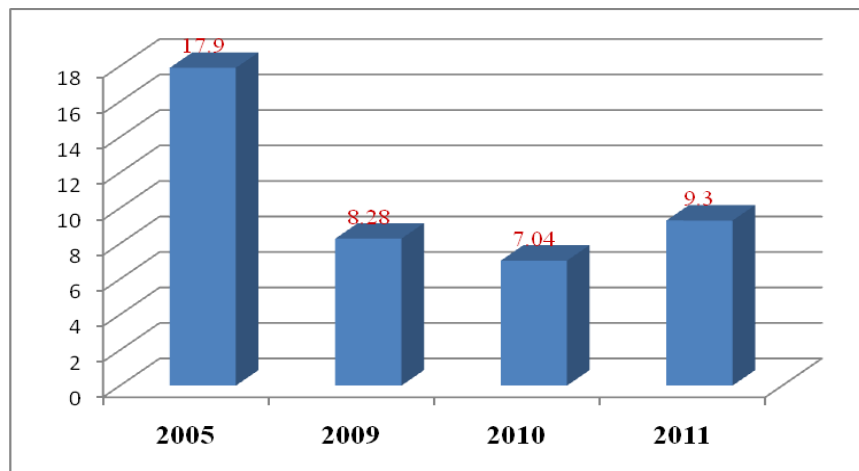
Trong nghiên cứu PAPI, chất lượng thực hiện lựa chọn danh sách hộ nghèo nằm ở trục nội dung thứ 2 “*công khai, minh bạch ở cấp tỉnh*”. Ở nội dung này Tiền Giang xếp thứ 22/30 được nghiên cứu năm 2010. Trong đó đánh giá của người dân về chất lượng thực hiện chính sách XĐGN của địa phương được thể hiện qua 3 nội dung chính: (i) nhận thức của người dân về chuẩn nghèo; (ii) Đánh giá của người dân về việc công khai danh sách hộ nghèo của chính quyền xã, (iii) nhận thức của người dân về tính chính xác của danh sách hộ nghèo.

PAPI trang 25.

Để có thể tìm được câu trả lời thỏa đáng về những nhân tố ảnh hưởng tới kết quả của Tiền Giang trong công tác xóa đói giảm nghèo. Chúng tôi đã tiến hành đo lường những yếu tố “đầu vào” từ phía trải nghiệm của đội ngũ cán bộ các cấp – trong đó đặc biệt chú ý tới nhóm “chức năng” – Sở/phòng Thương binh, Lao động và xã hội trực tiếp thực hiện công tác này.

Theo số liệu thống kê mà chúng tôi nhận được, tỷ lệ hộ nghèo ở Tiền Giang (hình 3) trong các năm 2005- 2010 có xu hướng giảm mạnh. Riêng năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo của Tiền Giang tăng lên 9,3% so với mức 7,04% năm 2010. Lý do của sự tăng đột biến này là do Chính phủ có sự điều chỉnh chuẩn nghèo mới. Nếu so sánh với tỷ lệ hộ nghèo bình quân của cả nước thì tỷ lệ hộ nghèo của Tiền Giang cũng thấp hơn nhiều. Ví dụ, tỷ lệ hộ nghèo của cả nước năm 2009 là 14% (theo chuẩn mới) thì ở Tiền Giang chỉ có 8,28%. Tuy nhiên so với Long An thì tỷ lệ hộ nghèo của Tiền Giang lại cao hơn (Tỷ lệ hộ nghèo của Long An là 2,2% vào năm 2009). Mặc dù Long An là tỉnh điều chỉnh tăng chuẩn nghèo so với quy định chung của Chính phủ.

Hình 5: Tỷ lệ hộ nghèo ở Tiền Giang (Đơn vị: %)



Nguồn: Báo cáo giám sát của HDND Tiền Giang

Tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công khai minh bạch danh sách hộ nghèo ở Tiền Giang, chúng tôi thấy như sau:

Thứ nhất, về tổ chức thực hiện: Kết quả thu được từ các cuộc tọa đàm, phỏng vấn sâu đội ngũ cán bộ các cấp trong hệ thống chính trị của tỉnh cũng như số liệu qua báo cáo hàng năm về việc tổ chức thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo đều cho thấy: Công tác xóa đói giảm nghèo của tỉnh Tiền Giang được thực hiện trong sự phối hợp tổng thể với nhiều chương trình khác nhau bao gồm: chương trình Mục tiêu quốc gia, chương trình giải quyết việc làm, chương trình cho vay vốn tín dụng ưu đãi cho người nghèo và cho học sinh sinh viên, chương trình cấp

phát thẻ BHYT cho người nghèo, Quỹ vì người nghèo, các chính sách hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà, chính sách hưởng trợ cấp xã hội, trao tặng các thiết bị giúp người tàn tật, hỗ trợ tiền điện theo quyết định số 168/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ.

Quá trình lập danh sách hộ nghèo được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh xã hội. Hàng năm, trưởng thôn/tổ trưởng dân phố phổ hợp với đại diện các tổ chức đoàn thể xây dựng danh sách hộ nghèo dựa trên hướng dẫn của Bộ LĐ-TBXH. Tiếp đó, trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân số tổ chức họp dân để đại diện các hộ gia đình thảo luận và thống nhất về danh sách. Nếu hộ nào nhận được từ 50% trở lên đại diện hộ dân đồng tình thì sẽ được nằm trong danh sách hộ nghèo. Danh sách này sẽ được lập thành 2 bản, một bản gửi lên UBND xã/phường để tổng hợp cũng với danh sách của các thôn/tổ dân phố khác và bản được trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân số giữ. Danh sách hộ nghèo của xã/phường sau đó được niêm yết công khai để lấy ý kiến phản hồi. Sau đó, danh sách hộ nghèo được gửi lên UBND huyện/quận để tiếp tục được xem xét kiểm tra. Cuối cùng, huyện/quận tổng hợp toàn bộ danh sách hộ nghèo của cả huyện và gửi lên Tỉnh để duyệt và gửi lên Bộ LĐ-TBXH.

Hình 6. Đánh giá của người dân về danh sách hộ nghèo



Nguồn: PAPI 2010

Thứ hai, về cam kết chính trị của hệ thống chính trị Tỉnh: Kết quả thu được từ các cuộc tọa đàm, phỏng vấn sâu đội ngũ cán bộ các cấp trong hệ thống chính trị của tỉnh cũng như số liệu qua báo cáo hàng năm về việc tổ chức thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo đều cho thấy: Tổ chức thực hiện chiến lược XDGN là một trong những nội dung quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương cũng như trong hội nghị tổng kết cuối năm. Việc tổ chức các khóa tập huấn ngắn hạn cho cán bộ chuyên trách về lĩnh vực này cũng được quan tâm, đặc biệt là tập huấn về kiến thức và kỹ năng rà soát hộ nghèo nhằm đảm bảo sự khách quan, minh

bach trong lập rà soát hộ nghèo. Sự quyết tâm về chính trị của các cấp chính quyền còn được thể hiện thông qua 3 nghị quyết chuyên đề của HĐND về công tác XDGN trên địa bàn Tỉnh: NQ số 20/1997/NQ-HĐND_K5 về chương trình XDGN đến năm 2000; Nghị quyết số 26//NQ-HĐND_K6 về việc thực hiện nghị quyết về chương trình XDGN tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2001-2005; Nghị quyết số 85/2006/NQ-HĐND ngày 16/7/2006 về việc thực hiện chương trình XDGN- việc làm của Tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2006-2010.

“Về chính sách riêng đối với công tác XDGN thì đến nay Tỉnh vẫn không có chính sách độc lập thành văn bản về chính sách XDGN của Tỉnh, mà chủ yếu thực hiện chính sách XDGN của Trung ương đưa về thông qua các quyết định, các thông tư, trong nghị quyết của HĐND thì có lồng ghép chính sách đối với hộ nghèo VD như miễn phí và lệ phí cho người nghèo, miễn học phí cho học sinh, miễn, rồi chính sách đất đai, hỗ trợ điện nước cho người nghèo ở nông thôn, hỗ trợ tết...” (Cán bộ HĐND)

Tuy vậy, nếu so sánh với Long An, tỉnh đứng thứ 8 trong nội dung này thì có thể thấy mức độ cam kết của các cấp chính quyền Tiền Giang trong công tác XDGN là thấp hơn so với các tỉnh lân cận như Long An. Chính quyền các cấp của tỉnh Long An đã có sáng kiến trong trực nội dung này như: tại mỗi huyện/thành phố chọn một đơn vị xã/phường có điều kiện kinh tế khó khăn nhất và tỷ lệ hộ nghèo cao nhất được một biên chế cán bộ chuyên trách có năng lực, nhiệt tình và kinh nghiệm về công tác XDGN, hưởng lương như những công chức khác. Qua trao đổi cán bộ tại UBND thành phố Mỹ Tho cũng cho biết khó khăn mà chính quyền đang đối mặt là ban chỉ đạo giảm nghèo cấp xã không ổn định về nhân sự bởi vậy các hoạt động thường bị gián đoạn và hiệu quả không cao. Nhiều nơi sự nhiệt tình của đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực này còn hạn chế và hiệu quả hoạt động không cao; quá trình rà soát có lúc có nơi còn chưa thực sự đảm bảo sự khách quan.

Thứ 3, về nguồn nhân lực cho công tác XDGN: Giống như Long An, các cấp chính quyền của Tiền Giang đều có các Ban chỉ đạo “xóa đói giảm nghèo”. Ở cấp tỉnh Ban chỉ đạo XDGN do một đồng chí phó chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban, một đồng chí đại diện Sở LĐTBXH làm phó ban thường trực và lãnh đạo các sở, ban ngành là thành viên. Mô hình này cũng được áp dụng ở chính quyền cấp huyện. Đối với cấp xã thì Ban chỉ đạo này có sự thay đổi hơn do cơ cấu bộ máy hành chính. Tuy nhiên, trưởng ban chỉ đạo vẫn là Phó chủ tịch và cán bộ lao động thương binh - xã hội đảm nhận chức năng thường trực.

Ban chỉ đạo XDGN cấp tỉnh gồm 21 cán bộ nhưng đều là cán bộ kiêm nhiệm, không có ai làm chuyên trách bởi vậy tính trách nhiệm và hiệu quả trong công việc cũng bị ảnh hưởng.

Tương tự ở cấp huyện mô hình này cũng được vận hành trong cả tỉnh. Ở cấp xã, công tác XĐGN do một đồng chí cán bộ thương binh – xã hội kiêm nhiệm, được hưởng 200 ngàn đồng/tháng. Bằng chứng thực tế này cho thấy chế độ phân công cán bộ phụ trách công tác XĐGN ở Tiền Giang chưa được ưu tiên như ở Long An. Vì cán bộ làm việc kiêm nhiệm, kinh phí dành riêng cho Ban này cũng không có nên việc ảnh hưởng đến kết quả giảm nghèo cũng là điều dễ giải thích.

Thứ tư, về nguồn tài chính: Vốn cho chương trình QCVL-GN của tỉnh chủ yếu từ nguồn ngân sách trung ương. Tỉnh không có chính sách gì riêng biệt về ngân sách cho công tác xóa đói giảm nghèo. Một phần nhỏ nguồn vốn thực hiện chính sách XĐGN được huy động từ các nguồn ngân sách địa phương, các tổ chức tín dụng và đặc biệt là quỹ của các hội do hội viên tự đóng góp.

Nghiên cứu trường hợp tại huyện Gò Công Tây cho thấy Tại huyện đã lập Ban chỉ đạo công tác xóa đói giảm nghèo gồm 17 thành viên, trong đó Phó chủ tịch huyện làm Trưởng ban, Trưởng phòng Lao động Thương binh xã hội làm phó thường trực và các ban ngành khác của huyện là thành viên. Ban này hoạt động có sự phân vai và giao nhiệm vụ mỗi thành viên theo dõi một xã. Chế độ hội họp một năm 2 lần. Tuy nhiên trên thực tế chúng tôi cho rằng, vai trò chính vẫn thuộc về tổ công tác của phòng LĐ, TB và XH. Cán bộ ở phòng này có thâm niên công tác 5 – 10. Mỗi xã phân công một cán bộ ở xã làm kiêm nhiệm với mức trợ cấp 200.000 đ/tháng. Tuy nhiên, qua trao đổi chúng tôi cho rằng đội ngũ cán bộ chuyên trách ở cấp huyện và đặc biệt là cấp xã thiếu những kỹ năng và ít sáng tạo trong lĩnh vực này. Việc tập huấn, bổ sung các kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ này cần có sự tập trung trọng điểm hơn, bởi lẽ họ là người trực tiếp hỗ trợ và giúp đỡ hộ nghèo. Thậm chí có nhiều đơn vị xã phường tại thời điểm mà chúng tôi khảo sát vẫn chưa hoàn thành được việc rà soát, thống kê hộ nghèo của đơn vị mình.

Một số khó khăn, thách thức gặp phải

Qua tọa đàm, trao đổi với cán bộ Ban chỉ đạo XĐGN của Tỉnh, chúng tôi nhận được ý kiến phải hỏi về những khó khăn mà Ban gặp phải khi thực hiện công tác XĐGN nói chung, lên danh sách hộ nghèo nói riêng như sau.

- ✓ Việc phân cấp tài chính chỉ thực hiện đến cấp huyện; tuyến xã/phường không được chủ động về nguồn tài chính cho công tác XĐGN. Vì vậy, khi được hỏi: nguồn tài chính thực hiện XĐGN từ đâu thì một số cán bộ Ban XĐGN cấp xã/phường trả lời

không thống nhất. Có thể đây là một nguyên nhân khiến các Ban XĐGN cấp xã/phương thiếu chủ động khi rà soát hộ nghèo.

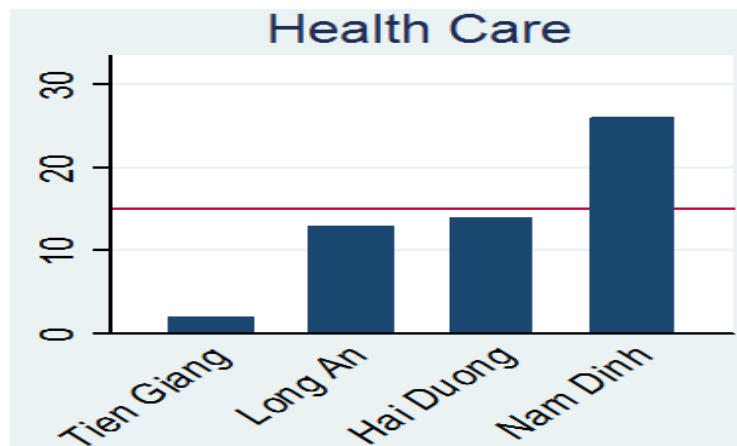
- ✓ Tỉnh chưa có sáng kiến về CS XĐGN so với LA; không có cán bộ chuyên trách; trình độ thấp – chủ yếu trình độ trung cấp; ít được tập huấn đào tạo; tính luân chuyển cao; kinh nghiệm làm việc chủ yếu là 5 năm.
- ✓ Phiếu thông kê hộ nghèo phức tạp– khó khăn cho cán bộ Ban XĐGN trong việc rà soát và lập lên DS hộ nghèo

Tóm lại, so sánh với Long An, nhóm nghiên cứu nhận định, mặc dù điều kiện tự nhiên khá giống với Long An, số lượng và cơ cấu ban chỉ đạo XĐGN ở các cấp, quy trình bình xét hộ nghèo cùng được thực hiện theo hướng dẫn chung của Bộ LĐTBXH nhưng Tiền Giang bị đánh giá thấp hơn về công tác XĐGN là do thiếu sự cam kết chính trị mạnh mẽ của chính quyền các cấp đối với công tác này, đồng thời Tỉnh cũng đầu tư ít hơn về nguồn lực làm công tác XĐGN và tài chính. Tiền Giang không có cán bộ chuyên trách làm công tác XĐGN như Long An, chuẩn nghèo của Tỉnh vẫn giữ nguyên so với mức chung của cả nước.

3.2. Nội dung thứ hai. Chất lượng dịch vụ y tế

Trong nghiên cứu PAPI, chất lượng dịch vụ y tế được nghiên cứu ở trục nội dung thứ 6 “cung ứng dịch vụ công”. Trong đó, PAPI nghiên cứu bốn dịch vụ công chủ yếu đó là lĩnh vực y tế, lĩnh vực giáo dục tiểu học công lập, cơ sở hạ tầng cơ bản và an ninh trật tự. Trong khảo sát này chúng tôi chỉ tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ y tế bao gồm các nguồn lực: bác sĩ, trang thiết bị y tế và nguồn lực tài chính được phân bổ. Với trục nội dung này Tiền Giang vẫn là tỉnh bị xếp thấp hơn so với Long An.

Hình 7: Đánh giá của người dân về dịch vụ y tế



Nguồn: UNDP

Một số yếu tố “đầu vào” ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ y tế của Tiền Giang có thể trình bày như sau:

Thứ nhất, về nguồn nhân lực: Theo báo cáo của Sở y tế Tiền Giang, số lượng cán bộ y được trên địa bàn Tỉnh liên tục tăng lên trong những năm qua. Năm 2010, toàn tỉnh có 829 cán bộ được, 3.197 cán bộ ngành y, trong đó có 809 bác sỹ. Tính trung bình có 4,9 cán bộ được sỹ/vạn dân, 19,1 cán bộ y tế/vạn dân, những nếu tính riêng số bác sỹ thì chỉ đạt 4,87 bác sỹ/vạn dân, tỷ lệ BS/giường bệnh ở Tiền Giang đạt mức 0,25 (xem bảng dưới).

Để đảm bảo lực lượng cán bộ y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân, thời gian qua Tiền Giang đã thực hiện nhiều biện pháp thu hút cán bộ về công tác tại địa phương, đặc biệt là những người đã có bằng đại học trở lên. VD, từ năm 2010, Tỉnh nâng mức hỗ trợ thêm cho cán bộ y tế xã phường từ mức 300.000 đ/tháng lên 600.000 đ/tháng. Ngoài ra, thông qua dự án hỗ trợ y tế cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Tỉnh đã cử đi đào tạo 220 người (CK I 97 người; CKII 22 người, thạc sỹ 8 người, chuyên tu 88 người, chuyên khoa sơ bộ 5 người) và tổ chức đào tạo ngắn hạn cho 335 cán bộ y đang công tác trong ngành.

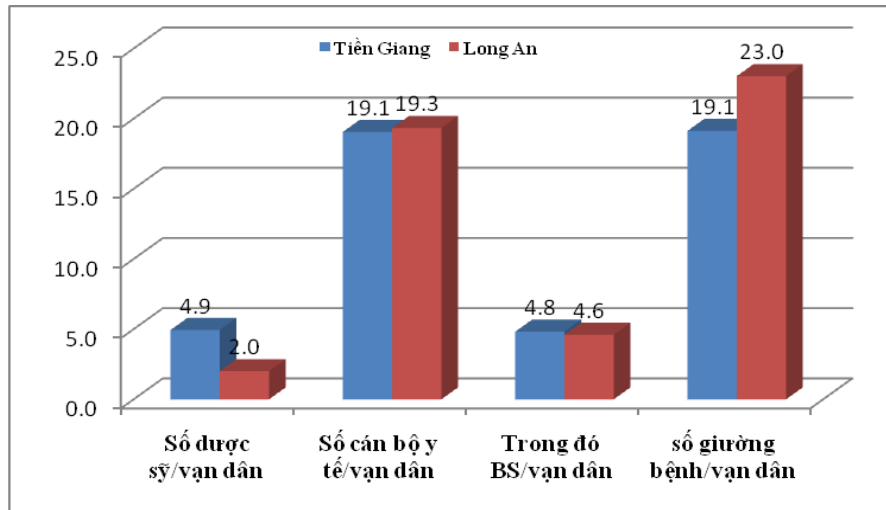
Sở y tế Tiền Giang cũng đã liên kết với các trường ĐHY Dược để cử cán bộ đi đào tạo nâng cao, đào tạo theo địa chỉ 77 người có trình độ đại học và sau đại học, trong đó có 24 người được đào tạo sau đại học (cao học, 24 người; chuyên khoa II, 5 người; chuyên khoa I 13 người); đại học có 53 người (bác sỹ đa khoa, 28 người; bác sỹ y học cổ truyền, 5 người; dược sỹ, 8 người; và CN Y các loại, 12 người).

Bảng 4: Thống kê ngành y tế

	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Số cán bộ được	549	551	622	773	855	829
Số cán bộ Y	2392	2500	2630	2856	2935	3197
Trong đó BS	664	691	744	757	774	809
Số giường bệnh	2801	3016	3175	3197	3608	3210

Nguồn: Tổng cục thống kê

Hình 8: Thống kê y tế Tiền Giang



Nguồn: Tổng cục thống kê

Mặc dù đã có nỗ lực rất lớn từ phía chính quyền, đặc biệt là Sở Y tế, nhưng so với Long An thì Tiền Giang chỉ nhiều hơn về chỉ số được sỹ/vạn dân và số BS/vạn dân trong khi chỉ số số cán bộ y tế/vạn dân và số giường bệnh/vạn dân lại thấp hơn của Long An.

Đi tìm câu trả lời cho câu hỏi tại sao Tiền Giang lại bị đánh giá thấp hơn, chúng tôi so sánh hai trung tâm y tế: Gò Công Tây của Tiền Giang và Thạnh Hóa của Long An (cả hai Huyện này đều được nghiên cứu PAPI khảo sát), con số cụ thể của năm 2010 như sau.

Bảng 5: Thống kê của bệnh viện

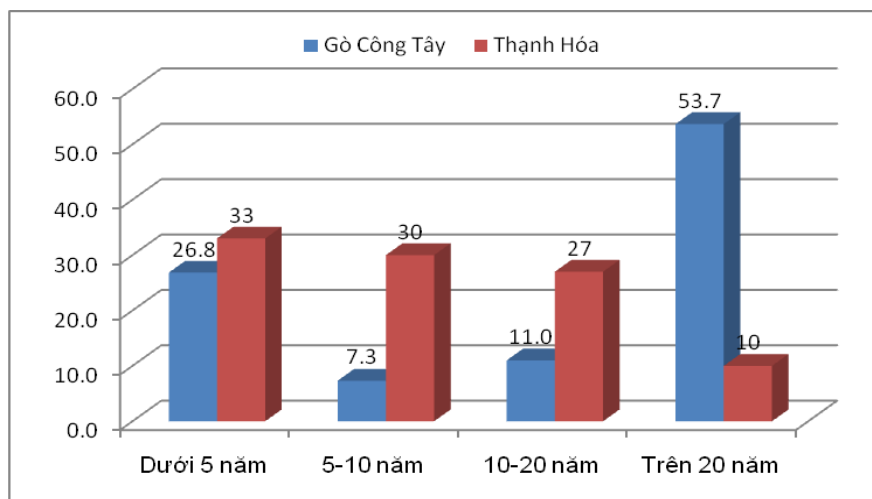
	Gò Công Tây (TG)	Thạnh Hóa (LA)
Dân số (người)	127.836	54.688
Số giường bệnh	82	70
Số GB/vạn dân	6,4	12,8
Số nhân viên	82	103
Trong đó: số BS	17	22
Số BS/vạn dân	2,7	5,8
Số BS/GB	0,2	0,26
Số lượt khám bệnh	261.768	55.553

Báo cáo của Trung tâm y tế Gò Công Tây và Thạnh Hóa

Bảng 5 thống kê cơ sở vật chất và nhân viên y tế tại 2 bệnh viện chúng tôi khảo sát. Rõ ràng các thống kê đều cho thấy, các yếu tố đầu vào của Thạnh Hóa (Long An) tốt hơn nhiều so với Gò Công Tây (Long An). Hình 9 dưới đây so sánh kinh nghiệm làm việc của hai bệnh

viện. Ở Gò Công Tây có tới 53% nhân viên y tế đã làm việc trên 20 năm trong khi ở Thạnh Hóa (Long An) chỉ khoảng 10%. Số năm kinh nghiệm nhiều là một lợi thế của Gò Công Tây, nhưng theo ý kiến của lãnh đạo trung tâm, hiện bệnh viện rất thiếu BS, đặc biệt là BS chuyên khoa nhưng do thu nhập của cán bộ y tế thấp nên trong nhiều năm qua Trung Tâm không thể tuyển được BS mới về. Có lẽ đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự đánh giá của người dân về chất lượng dịch vụ y tế tại Tiền Giang ở vị trí rất “khiêm tốn”.

Hình 9: Kinh nghiệm của cán bộ y tế bệnh viện



Báo cáo của Trung tâm y tế Gò Công Tây và Thạnh Hóa

Thứ hai, về trang thiết bị của bệnh viện: Tại các bệnh viện, trang thiết bị thường do chính quyền trung ương mà đại diện là Bộ y tế cung cấp theo các chương trình mục tiêu. Khi máy móc thiết bị hư hỏng thì bệnh viện tự phải bỏ tiền để sửa chữa – nguồn kinh phí chủ yếu được ứng từ khoán chi cho bệnh viện, và đây cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ y tế công. Trong quá trình phỏng vấn, rất nhiều ý kiến chia sẻ với chúng tôi về vấn đề này. Bởi lẽ, trang thiết bị y tế chi phí rất cao trong lúc kinh phí phân cấp lại quá eo hẹp. Tuy nhiên, tình hình này cũng đã được cải thiện hơn vì trong những năm vừa qua, bệnh viện đã được trang bị thêm nhiều máy móc thiết bị phục vụ chuyên môn từ nguồn trái phiếu của Chính phủ.

Thứ ba, về nguồn tài chính của các bệnh viện: Ngoài nguồn thu là viện phí, trong các năm 2009-2010, các bệnh viện Tiền Giang được ngân sách tỉnh cấp 27 triệu đồng/giường bệnh/năm cho bệnh viện hạng hai, 25,5 triệu đồng/giường bệnh/năm cho bệnh viện hạng ba (Tỉnh không có bệnh viện hạng 1). Con số này đã được nâng lên mức 51 triệu đồng/giường bệnh/năm với bệnh viện hạng hai và 50,5 triệu đồng/giường bệnh/năm. Như vậy, nguồn đầu tư

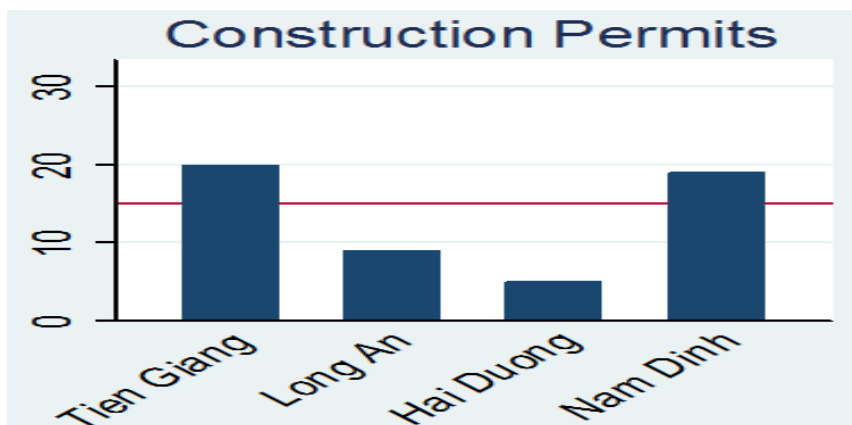
từ ngân sách Tỉnh tính trên một giường bệnh của Tiền Giang năm 2011 đã cao hơn mức 48 triệu đồng/giường bệnh/năm của Long An. Tuy nhiên, nếu so sánh số liệu năm 2010 (năm PAPI khảo sát) thì đầu tư của Tiền Giang thấp hơn của Long An.

Như vậy qua khảo sát và so sánh giữa Tiền Giang và Long An cho thấy, theo con số thống kê chung của toàn tỉnh số cán bộ được sy và số BS/vạn dân của Tiền Giang cao hơn Long An nhưng số cán bộ y tế và số giường bệnh/vạn dân của Tiền Giang lại thấp hơn Long An. Đặc biệt là tại hai bệnh viện chúng tôi khảo sát thì mọi chỉ số tại Tiền Giang đều thấp hơn ở Long An. Đây là câu trả lời rõ ràng cho thứ hạng của Tiền Giang thấp hơn Long An trong nghiên cứu PAPI.

3.3. Nội dung thứ ba: Hiệu quả cung ứng thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng.

Trong nghiên cứu PAPI, hiệu quả công tác cấp phép xây dựng được nghiên cứu trong nội dung thứ 5 “hiệu quả cung ứng thủ tục hành chính công”, bao gồm thủ tục công chứng nhà nước, thủ tục cấp phép xây dựng, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại nội dung này, Tiền Giang được xếp hạng khá cao, đứng thứ 6/30 tỉnh PAPI khảo sát. Riêng nội dung cấp phép xây dựng (một trong 3 nội dung về hiệu quả cung ứng thủ tục hành chính công) thì Tiền Giang được đánh giá cao hơn Long An.

Hình 10: Đánh giá của người dân về thủ tục cấp phép xây dựng



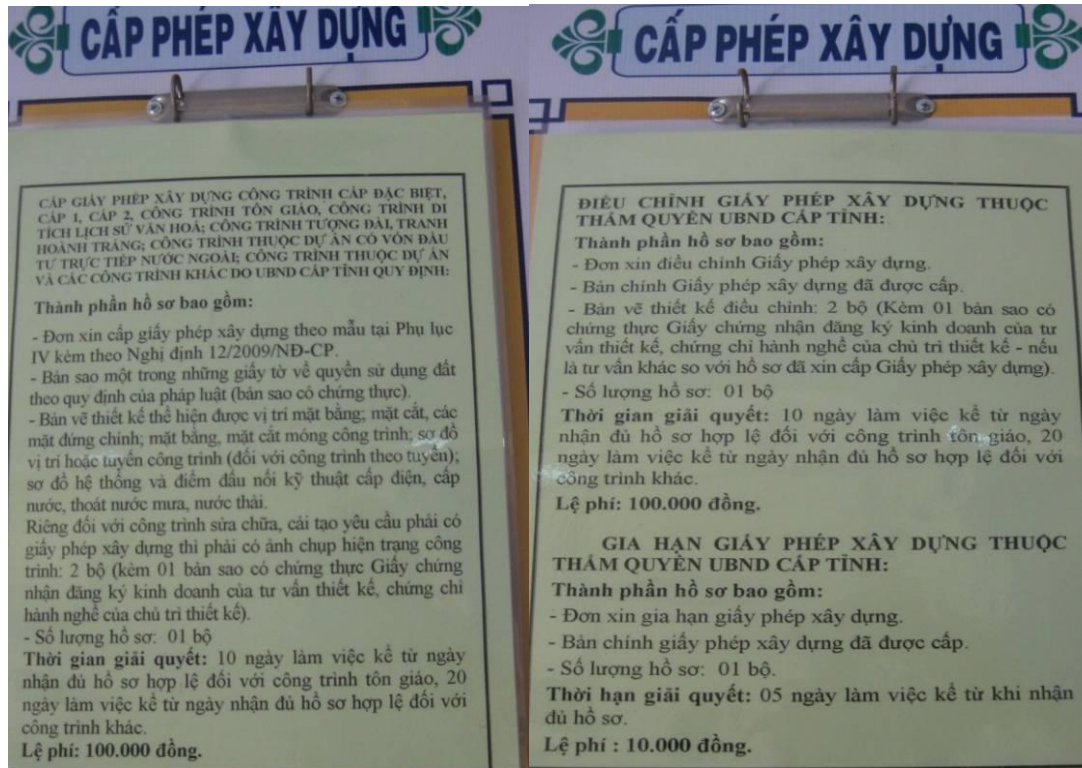
Nguồn: UNDP, nghiên cứu PAPI

Về tổ chức thực hiện: theo quy định tại Điều 66 của Luật xây dựng năm 2004 thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng có quy mô lớn, công trình có kiến trúc đặc thù, công trình tôn giáo và các công trình xây dựng khác thuộc địa giới hành chính do mình quản lý theo quy định của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng trong đô thị, các trung tâm cụm xã thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình xây dựng quy định tại khoản 1

Điều này. Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt, những điểm dân cư theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện phải cấp giấy phép xây dựng thuộc địa giới hành chính do mình quản lý. Tuy nhiên trên thực tế, giống như Long An, tại Tiền Giang chỉ có Sở xây dựng (được UBND tỉnh ủy quyền) và Phòng xây dựng (được UBND huyện ủy quyền) là các cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng. UBND cấp xã không phải là cơ quan cấp phép.

Trong lĩnh vực này, tại Tiền Giang – cơ quan chức năng là Sở xây dựng và tất cả các huyện đều đã thực hiện cơ chế một cửa trong việc cấp phép xây dựng. Tất cả các thủ tục quy trình cấp phép đều đã được công khai trước phòng “một cửa”, và thủ tục khá đơn giản. Theo chúng tôi người dân khá thuận tiện và dễ dàng tiếp cận với thủ tục hành chính này. Nhìn chung khi tiến hành tìm hiểu các nhân tố đầu vào ảnh hưởng đến thủ tục cấp phép xây dựng chúng tôi nhận thấy ở Tiền Giang, vấn đề này thực hiện khá tốt và việc PAPI xếp hạng thứ 6 cũng có cơ sở và thuyết phục.

Về quy trình cấp phép xây dựng, người dân phải thực hiện 3 bước để xin giấy phép xây dựng. Cụ thể như sau: Bước 1, Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của Luật xây dựng, bao gồm Đơn xin cấp phép xây dựng, bản sao một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất có chứng thực, bản vẽ thiết kế công trình. Bước 2, nộp hồ sơ tại phòng quản lý đô thị. Bước 3, nhận kết quả tại phòng quản lý đô thị.



Về nhân sự, tại Sở xây dựng Tiền Giang có 3 cán bộ là kỹ sư xây dựng chuyên làm công tác cấp phép xây dựng (bằng 1/2 so với 6 cán bộ của Long An), mỗi huyện chỉ có một cán bộ làm công tác này, riêng thành phố Mỹ Tho có 5 cán bộ là kỹ sư xây dựng phụ trách công tác cấp phép xây dựng. Theo báo cáo của Sở xây dựng, chỉ có thành phố Mỹ Tho – trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của tỉnh là có số lượng cấp phép xây dựng lớn, khoảng 1100 giấy phép 1 năm, các huyện còn lại đa số có số lượng giấy phép được cấp dưới 100 một năm. Trên thực tế, thu nhập của cán bộ làm công tác cấp phép xây dựng không cao nhưng đây không phải là nguyên nhân chính dẫn đến chất lượng thủ tục cấp phép thấp do thu nhập thấp là tình trạng chung của tất cả đội ngũ công chức cả nước và trên thực tế cũng rất ít trường hợp nhận được giấy phép xây dựng chậm hơn quy định của Luật xây dựng (là 15 ngày làm việc) nếu hồ sơ đủ và đúng. Tuy nhiên, nhiều trường hợp người dân gặp khó khăn trong việc xin cấp phép xây dựng là do thiếu các giấy tờ cần thiết theo quy định, đặc biệt là nhiều trường hợp thiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khiến cho quá trình cấp phép xây dựng bị kéo dài

Khi so sánh với Tiền Giang chúng tôi thấy một số điểm tương đồng như sau.

- Cơ quan chịu trách nhiệm cấp phép xây dựng ở cả hai tỉnh đều là sở Xây Dựng và Phòng xây dựng cấp huyện. Cấp xã không thực hiện công việc này.
- Các cơ quan cấp phép xây dựng ở cả hai tỉnh đều đã thực hiện chế độ «một cửa » trong cấp phép xây dựng.
- Các bước tiến hành xin cấp phép và lệ phí xin cấp phép đều giống nhau và thực hiện theo quy định của Luật xây dựng.
- Các thủ tục xin cấp phép xây dựng đều đã được công khai tại phòng giao dịch "một cửa" của cơ quan cấp phép xây dựng
- Cán bộ làm công tác cấp phép xây dựng đều có bằng đại học
- Ngoài số lượng trực tiếp làm công tác cấp phép ở sở xây dựng Tiền Giang bằng một nửa của Long An (6 so với 3), ở mỗi huyện đều chỉ bố trí một công cán bộ làm việc này.

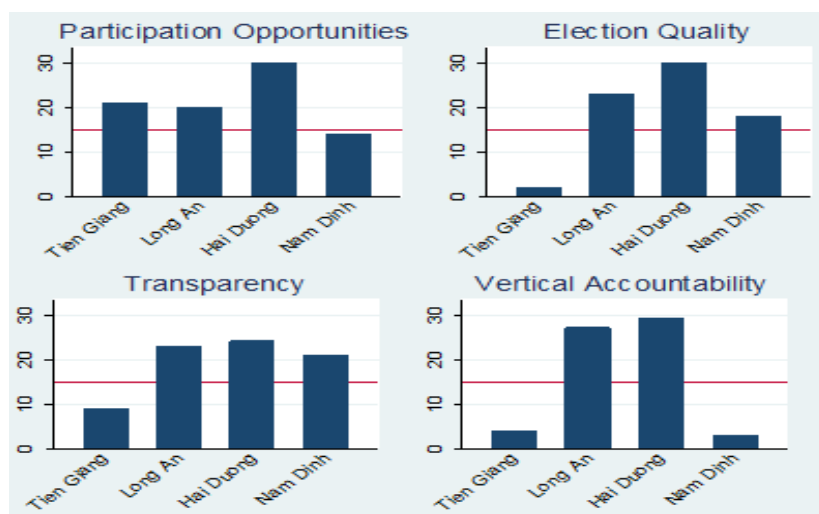
Một số khác biệt có thể là nguyên nhân khiến Tiền Giang được đánh giá cao hơn so với Long An có thể là

- *Số lượng giấy phép Tiền Giang phải cấp ít hơn của Long An. Năm 2011 toàn tỉnh Tiền Giang cấp 2096 giấy phép, trong khi Long An đã cấp 2513 giấy phép.*
- *Kinh nghiệm công tác của cán bộ làm công tác cấp phép ở Tiền Giang cao hơn của Long An. Tại Tiền Giang Long An có 47% cán bộ làm công tác cấp phép có thâm niên công tác dưới 5 năm, trong khi con số này lên tới 97% ở Long An.*
- *Thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện công tác cấp phép của Tiền Giang tốt hơn Long An. Tại sở Xây dựng Tiền Giang, đồng chí phó giám đốc tỏ ra khá thẳng thắn trong trao đổi với chúng tôi về các vấn đề như thu nhập, công việc thực hiện trong cấp phép xây dựng tại Sở.*

3.4. Nội dung thứ tư: Thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở

Việc thực hiện “Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” được PAPI nghiên cứu trong 3 nội dung: “*sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở*”; “*Công khai minh bạch*”; và “*Trách nhiệm giải trình với người dân*”. Trong cả 3 trục nội dung này, Tiền Giang được đánh giá khá thấp so với những tỉnh khác, thường nằm ở nửa dưới của bảng xếp hạng, thậm chí 2 trong 3 nội dung trên Tiền Giang nằm trong số 5 tỉnh có điểm số thấp nhất. Trong nghiên cứu này chúng tôi chủ yếu tập trung nghiên cứu việc thực hiện “Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã,

phường thị trấn”. Cụ thể chúng tôi xem xét những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát cộng đồng, sự tham gia và vai trò của người dân trong việc bầu trưởng thôn/ấp, tổ trưởng dân số, xác định danh sách hộ nghèo, bầu chọn hộ nghèo như thế nào? Tính công khai minh bạch danh sách hộ nghèo ra sao? Và khi người dân có thắc mắc về nhưng vấn đề liên quan đến hộ nghèo thì người dân sẽ gặp các cấp chính quyền thế nào? Sự giải đáp thắc mắc từ phía cơ quan chính quyền được diễn ra như thế nào? Đặc biệt chúng tôi chú ý nghiên cứu những nguyên nhân làm nên sự khác biệt trong việc thực hiện công khai dân chủ danh sách hộ nghèo.



Nguồn : UNDP, nghiên cứu PAPI

Tại Tiền Giang, hàng năm Tỉnh đều tổ chức hội nghị tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ và triển khai kế hoạch thực hiện của năm sau. Tại các cấp chính quyền từ tỉnh xuống cơ sở đều thành lập ban chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở. Tại cấp tỉnh, Ban chỉ đạo thường xuyên được kiện toàn với số lượng từ 15-29 thành viên, tùy từng nhiệm kỳ.

Nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng và thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, Ban thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành chỉ thị số 02-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ chính trị (Khóa VIII). Tại Tiền Giang cả hệ thống chính trị gồm cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền và đoàn thể đều tham gia vào thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở.

Theo báo cáo của Tỉnh ủy, 100% các khu dân cư, thôn, ấp trong tỉnh đã có Ban thanh tra nhân dân do nhân dân trong khu, ấp tự bầu ra. Ở các xã, phường có các công trình đầu tư theo hình thức “nhà nước và nhân dân cùng làm” thì đều có ban giám sát đầu tư cộng đồng.

Theo kết quả phỏng vấn thì trình độ của các thành viên Ban thanh tra ND không phải là nhân tố quyết định đến chất lượng, hiệu quả của các Ban này, nhân tố quyết định chính là

lòng nhiệt tình của các thành viên trong Ban. Với ban giám sát đầu tư cộng đồng, bên cạnh lòng nhiệt tình của các thành viên, nếu trong ban có người am hiểu về xây dựng sẽ hoạt động tốt hơn.

Về kinh phí cho các ban thanh tra nhân và ban giám sát đầu tư cộng đồng: Ở Tiền Giang mỗi ban thanh tra nhân dân được nhận 2 triệu đồng/năm được cân đối từ nguồn ngân sách xã chi trả. Ban giám sát đầu tư cộng đồng được hưởng phụ cấp tùy theo công trình và trích từ nguồn kinh phí đầu tư công trình để chi trả cho hoạt động của Ban.

Cơ hội tham gia của người dân ở cấp cơ sở thể hiện qua việc tham gia bầu chọn trưởng thôn. So sánh với Long An chúng tôi thấy vấn đề này ở Tiền Giang có xu hướng thuận lợi hơn trong việc bầu chọn trưởng thôn cũng như vận động người dân tham gia phát huy quyền dân chủ của mình tại cơ sở. Ở Tiền Giang, việc bầu cử trưởng khu dân cư được tổ chức khá long trọng và nghiêm túc giống như bầu đại biểu Hội đồng nhân dân phường/xã. Việc tổ chức bầu cử được thông báo rộng rãi (người dân biết trước ít nhất 30 ngày), có sự chuẩn bị chu đáo về mặt nhân sự với các tiêu chí lựa chọn rõ ràng. Tỉnh cũng dành ngân sách riêng cho công tác này, tùy theo từng nội dung hoạt động.

Nói chung là bầu cử trưởng ấp, kinh phí bầu cử toàn bộ là từ ngân sách địa phương (thị trấn-NPV), Thị trấn ở đây là 6 ấp, chúng tôi mới bầu cử vừa rồi thì chi 10,7 triệu (cho 6 tổ).

Trước khi kết thúc nhiệm kỳ, các bên liên quan có sự đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của các đồng chí đương nhiệm và đặc biệt danh sách bầu cử tuyệt đối đảm bảo được số dư. Về quy trình bầu cử được bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín và công khai kết quả kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc họp. Theo đánh giá của các địa phương mà chúng tôi trực tiếp đến làm việc phường 7 và thị trấn Vĩnh Bình, cán bộ lãnh đạo đều cho biết có trên 90% cử tri nơi đây tham gia thực hiện quyền bầu cử của mình. Tuy nhiên ở một số nơi tại Tiền Giang việc tìm nguồn cho chức vụ Trưởng khu cũng gặp khó khăn. Do chế độ đãi ngộ thấp, địa hình của khu dân cư thưa thớt, công việc nhiều nên vận động được ứng viên đúng tiêu chuẩn theo mong muốn khó khăn hơn. Thông thường ở những vùng này thì chủ yếu bộ đội về hưu; cán bộ lớn tuổi mới chấp nhận tham gia vào danh sách ứng viên trưởng thôn. Việc cán bộ về hưu đã lớn tuổi, sức khỏe yếu cũng đã phần nào hạn chế đến chất lượng công việc được giao. Qua trao đổi với cán bộ lãnh đạo chủ chốt tỉnh Tiền Giang cho biết, đối với những khu vực này thì việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch bầu cử trưởng ấp cũng chưa

được thực hiện một cách thấu đáo, mặc dù có thể về quy trình vẫn tuân thủ theo hướng dẫn của cấp trên nhưng sự tham gia của người dân chưa thực sự tích cực.

So sánh với Tiền Giang, chúng tôi thấy việc thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở của hai Tỉnh là khá tương đồng

- *Lãnh đạo hai Tỉnh đều coi trọng việc thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, hàng năm đều tổ chức hội nghị tổng kết và triển khai kế hoạch thực hiện Pháp lệnh.*
- *Việc lập danh sách hộ nghèo ở hai Tỉnh đều được thực hiện khá chặt chẽ theo quy định của Bộ LĐTBXH và đều được công khai trước dân.*
- *Tại tất cả các phường/xã đều đã thành lập Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát công đồng.*
- *Chế độ đãi ngộ cho Ban thanh tra nhân dân đều được hưởng 2 triệu đồng/năm.*
- *Việc thực hiện bầu cử trưởng khu phố, trưởng thôn, ấp đều được tiến hành theo công khai, theo đúng Pháp lệnh dân chủ.*

Như vậy, nguyên nhân khiến Tiền Giang luôn được xếp hạng thấp hơn Long An trong trực nội dung này, theo nhận định của chúng tôi, nguyên nhân có thể nằm trong khâu tổ chức thực hiện ở Tiền Giang chưa tốt bằng Long An. Cán bộ của Tiền Giang còn thiếu nhiệt tình, trách nhiệm trong việc thực thi chủ trương chính sách về dân chủ ở cơ sở của Tỉnh và Nhà nước.

4. Một số kết quả nghiên cứu

Phần này chúng tôi sẽ tóm lược lại những nội dung trình bày ở phần 3 để trả lời trực tiếp các câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra tổng phần 1. Đó là (i) Điều kiện tự nhiên, kinh tế chính trị của Tỉnh có ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị công? (ii) Đội ngũ cán bộ (số lượng và chất lượng) ở các cấp chính quyền ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị? (iii) Nguồn lực tài chính dành cho các cấp chính quyền có ảnh hưởng gì đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh? Và (iv) Chính sách hoặc chương trình nào giúp các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình? Cam kết chính trị của lãnh đạo tỉnh có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh?

Câu hỏi 1: Điều kiện tự nhiên, kinh tế chính trị của Tỉnh có ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị công? Tiền Giang và Long An đều nằm trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Điều kiện tự nhiên của hai Tỉnh khá giống nhau nhưng vị

trí địa lý của Tiền Giang bất lợi hơn Long An. So với Long An, Tiền Giang nằm cách xa TP HCM hơn. Điều này khiến Tiền Giang bất lợi hơn Long An trong việc phát triển kinh tế nhất là những ngành phục vụ cho một thị trường lớn như TP HCM. Do vậy, sự phát triển kinh tế của Tiền Giang sẽ khó khăn hơn so với Long An. Đây có thể là nguyên nhân tỷ lệ hộ nghèo ở Tiền Giang cao hơn Long An và do đó chính sách XDGN gặp nhiều khó khăn hơn. Khi kinh tế không phát triển thì nguồn vốn đầu tư cho dịch vụ công sẽ bị hạn chế.

Câu hỏi 2: Đội ngũ cán bộ (số lượng và chất lượng) ở các cấp chính quyền ảnh hưởng thế nào đến chất lượng quản trị? Kết quả khảo sát cho thấy số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ có ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng công tác quản trị nhà nước và chính sách công. Tại hai trung tâm y tế Gò Công Tây của Tiền Giang và Thạnh Hóa của Long An thì chúng tôi ghi nhận các chỉ tiêu số lượng cán bộ y tế và số giường bệnh/vạn dân ở Gò Công Tây thấp hơn hẳn so với Thạnh Hóa của Long An. Điều này có thể lý giải tại sao chất lượng dịch vụ y tế ở Tiền Giang bị đánh giá kém hơn Long An. Ở Tiền Giang không có cán bộ chuyên trách công tác XDGN như ở Long An khiến Tiền Giang bị đánh giá thấp hơn so với Long An trong công tác này. Bên cạnh đó, kinh nghiệm công tác của đội ngũ cán bộ là nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng quản trị công. Số lượng cán bộ cấp phép xây dựng của Tiền Giang ít hơn, nhưng kinh nghiệm công tác nhiều hơn khiến Tiền Giang được xếp trên Long An trong nội dung việc cấp phép xây dựng.

Câu hỏi 3: Nguồn lực tài chính dành cho các cấp chính quyền có ảnh hưởng gì đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh? Kết quả khảo sát cho thấy rõ ràng là các nguồn lực tài chính dành cho các cấp chính quyền có ảnh hưởng tới chất lượng quản trị công cấp tỉnh. Đầu tư ngân sách/giường bệnh của Tiền Giang có thể là một nguyên nhân khiến chất lượng y tế của Tiền Giang bị đánh giá thấp hơn Long An.

Câu hỏi 4: Chính sách hoặc chương trình nào giúp các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình? Cam kết chính trị của lãnh đạo tỉnh có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng quản trị công cấp tỉnh?

Kết quả khảo sát cho thấy, chương trình cải cách hành chính đã giúp các cấp chính quyền địa phương thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình. Nhờ thực hiện cải cách hành chính, người dân và các tổ chức đã tiết kiệm được rất nhiều thời gian, công sức và chi phí tiền bạc để thực hiện các thủ tục hành chính. Xã hội nói chung đã tiết kiệm được một nguồn lực lớn để dành

cho phát triển. Đội ngũ cán bộ trong các cơ quan nhà nước phải nỗ lực vươn lên để đáp ứng được các yêu cầu của chương trình cải cách hành chính đặt ra. Qua đó, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên và góp phần giúp các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, sự cam kết của các cấp chính quyền có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn đến chất lượng quản trị công. Trường hợp thực hiện chính sách XDGN có thể minh họa cho nhận định này. Sự cam kết mạnh mẽ của chính quyền các cấp đối với chính sách XDGN cũng là một yếu tố giúp Long An được đánh giá tốt hơn so với Tiền Giang trong thực hiện chính sách giảm nghèo và giải quyết việc làm.

5. Một số kiến nghị

Qua khảo sát ở Tiền Giang chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị chính sách như sau:

- Các tỉnh cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền giải thích về sự cần thiết và thủ tục cấp phép xây dựng bằng nhiều hình thức khác nhau như đài phát thanh, truyền hình và phát “tờ rơi” đến từng hộ gia đình. Mặc dù ở các tỉnh đã thực hiện chế độ “một cửa” trong công tác cấp phép xây dựng, thủ tục xin phép khá đơn giản nhưng tỷ lệ người dân xin phép xây dựng vẫn thấp do người dân chưa có thói quen và nhiều trường hợp chưa biết phải xin phép xây dựng ở đâu.
- Đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong nhiều trường hợp, thời gian cấp phép xây dựng kéo dài là do người dân chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất vì vậy Nhà nước cần thực hiện nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Thay việc cấp phép xây dựng bằng quy hoạch tổng thể và chi tiết của Tỉnh. Nếu mỗi tỉnh, huyện, xã đều có quy hoạch cụ thể khu vực nào được xây dựng và xây dựng thế nào thì người dân có thể tự do xây dựng theo quy hoạch. Chính quyền chỉ tâm trung vào giám sát việc thực hiện quy hoạch của người dân.
- Đầu tư nâng cao chất lượng và khả năng khám chữa bệnh cho bệnh viện tuyến huyện, xã. Hiện nay tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến trung ương diễn ra gay gắt, trong khi bệnh viện tuyến huyện, xã không được đầu tư thích đáng nên không có khả năng khám chữa bệnh tốt như tuyến trên dẫn đến tình trạng người dân đổ dồn lên khám chữa bệnh ở các bệnh viện tỉnh và trung ương. Nếu nhà nước đầu tư tốt hơn

cho các bệnh viện tuyến huyện, xã thì người dân có thể được hưởng dịch vụ y tế tốt ngay tại địa phương, giảm áp lực cho các bệnh viện tuyến trên.

- Cho phép các bác sỹ, dược sỹ mở phòng khám ngoài giờ tham gia khám chữa bệnh theo BHYT. Điều này vừa giúp cán bộ y tế tăng thu nhập, đảm bảo cuộc sống, vừa giảm áp lực cho các bệnh viện công.

Một số vấn đề cần nghiên cứu thêm

- Tại một số địa phương do thực hiện công tác giảm nghèo tốt, do điều kiện tự nhiên thuận lợi... mà tỷ lệ hộ nghèo thấp. Vì vậy, vấn đề nghèo không phải là vấn đề “nóng” tại địa phương và do đó không thu hút được sự quan tâm chú ý của người dân ở đây. Kết quả là khi PAPI điều tra rất có thể người dân sẽ không nắm được những thông tin liên quan đến danh sách hộ nghèo tại địa phương. Trong trường hợp này, PAPI sẽ xếp hạng tỉnh đó ở vị trí thấp, nhưng thực tế lại không phải như vậy.
- Việc bầu chọn danh sách hộ nghèo là do đại diện của các hộ gia đình tham gia họp dân phổ bầu chọn. Các thành viên trong gia đình không thuộc hộ nghèo khi đi họp về rất ít khi chia sẻ thông tin cho các thành viên còn lại trong gia đình nên khi PAPI điều tra gặp các thành viên trong gia đình không tham gia bầu chọn hộ nghèo thì họ sẽ không biết những thông tin liên quan đến danh sách hộ nghèo.
- Khác với các tỉnh phía Bắc, ở các tỉnh phía Nam việc bầu chọn trưởng thôn, ấp, trưởng khu phố diễn ra khó khăn hơn do không ai muốn đảm nhiệm vị trí này. Lý do đưa ra là phụ cấp quá thấp (830 ngàn đồng/tháng) trong khi công việc rất nhiều, tiếp xúc trực tiếp với người dân rất phức tạp. Một khi họ không muốn đảm nhiệm công việc này, do vận động của chính quyền, đoàn thể mà họ miễn cưỡng tham gia thì mức độ nhiệt tình và do đó chất lượng công việc là một vấn đề cần xem xét nghiên cứu.
- Do các hộ thuộc diện nghèo sẽ được hưởng nhiều ưu đãi, trợ cấp của nhà nước nên tại các địa phương thường xuất hiện tâm lý “muốn được nghèo”. Điều này khiến một số hộ thường che giấu thu nhập của mình khi điều tra hộ nghèo, một số gia đình đã tách các thành viên trong gia đình không có thu nhập (VD, bố mẹ già) ra thành hộ riêng để được hưởng chế độ hộ nghèo. Cũng chính vì lý do đó, khi bầu chọn danh sách hộ nghèo, nhiều người đã biểu quyết cho một hộ là hộ nghèo không phải vì hộ đó thật sự nghèo mà vì tình cảm họ hàng, hoặc sợ “mất lòng” với người thuộc diện xem xét nghèo. Điều này dẫn đến những sai lệch rất khó khắc phục trong danh sách hộ nghèo.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành trung ương, 2002. “*Chỉ thị tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*”. Số 10- CT/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2002.
2. Đảng ủy phường 7, thành phố Mỹ Tho, 2010. “*Nghị quyết về việc “Thực hiện pháp lệnh dân chủ” của Đảng bộ phường 7 Nhiệm kỳ từ 2010-2015*”. Số 07 –NQ/ĐU
3. Đảng ủy phường 7, thành phố Mỹ Tho, 2011. “*Báo cáo thực hiện quy chế Dân chủ ở cơ sở năm 2011 Phương hướng nhiệm vụ năm 2012*”. Số 04 –BC/QCDC, ngày 28 tháng 10 năm 2011.
4. Đảng ủy phường 7, thành phố Mỹ Tho, 2007. “*Báo cáo 10 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ chính trị (Khóa VIII) về xây dựng và thực hiện quy chế Dân chủ ở cơ sở*”. Số 16 –BC/ĐU, ngày 8 tháng 8 năm 2007
5. Đảng ủy phường 7, thành phố Mỹ Tho, 2006. “*Kế hoạch thực hiện đề án chương trình toàn khóa về tiếp tục thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở Phường 7*”. Số 07 –KH/ĐU, ngày 6 tháng 9 năm 2006.
6. Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang 2011, “*Báo cáo tham luận vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang*”, số 62/BC-HĐND, ngày 30 tháng 12 năm 2011.
7. Huyện ủy Gò Công Tây, 2012. “*Báo cáo thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở trên địa bàn huyện Gò Công Tây*”. Số – BC/HU
8. MTTQ, CECODES & UNDP, 2010. Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2010
9. Sở LĐTBXH Tiền Giang, 2011. “*Báo cáo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ năm 2012*” . Số / BC-SLĐTBXH.
10. Sở Nội vụ Tiền Giang, 2011. “*Báo cáo về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở của tỉnh Tiền Giang*”. Số 278 /BC-SNV, ngày 26 tháng 12 năm 2011
11. Sở Tài chính Tiền Giang, 2011. Báo cáo tình hình thu chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, thực hiện theo công văn số 826/CV-BTCTU ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Tỉnh ủy Tiền Giang
12. Sở Y tế Tiền Giang, 2011. “*Báo cáo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Tiền Giang 2009-2011*”. Số 2538 / BC-SYT, ngày 26 tháng 12 năm 2011

13. Sở Xây dựng Tiền Giang, 2011. “*Báo cáo về tình hình cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang*”. Số 993/BC-SXD, ngày 30 tháng 12 năm 2011.
14. UBND huyện Gò Công Tây, 2012. “*Báo cáo kết quả thực hiện chính sách kinh tế-xã hội về các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, y tế, xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở*”, số 02/BC.UBND, ngày 05 tháng 01 năm 2012
15. UBND huyện Gò Công Tây, 2011. “*Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2011 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2012*”. Số 146 – BC/UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2011
16. UBND tỉnh Tiền Giang, 2011. “*Báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội năm 2011 và kế hoạch năm 2012*”, ngày 29 tháng 12 năm 2011
17. UBND thành phố Mỹ Tho, 2012. “*Báo cáo tóm tắt kết quả phát triển kinh tế-xã hội 0 năm (2006-2010) thành phố Mỹ Tho*”. Số 13 / BC-UBND
18. UBND phường 7, TP. Mỹ Tho, 2012. “*tiếp Đoàn khảo sát của Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh*”. Số 03/BC-UBND, ngày 04 tháng 01 năm 2012.
19. Ủy ban thường vụ Quốc hội, 2007, “*Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*”. Số 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 05 tháng 04 năm 2007.
20. Tỉnh ủy Tiền Giang, 2011. “*Báo cáo thực hiện chính sách phát triển kinh tế, các lĩnh vực giáo dục-đào tạo, y tế, xóa đói giảm nghèo, thực hiện dân chủ ở cơ sở và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức*”. Số - BC/TU, tháng 12 năm 2011.
21. Trung tâm y tế Gò Công Tây, 2011, “*Báo cáo hoạt động khám chữa bệnh*”, ngày 26 tháng 12 năm 2011
22. Trung tâm y tế TP Mỹ Tho, 2012, “*Báo cáo trong buổi tiếp đoàn của Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia HCM ngày 04/01/2012 tại Sở Y tế và ngày 05/01/2012 tại UBND TP Mỹ Tho*”, ngày 03 tháng 01 năm 2012
23. UBND tỉnh Tiền Giang, 2011, Sở Tài chính, “*Hướng dẫn kinh phí tổ chức cuộc bầu cử trưởng ấp, Khu phố nhiệm kỳ 2011- 2013*”, ngày 23 tháng 8 năm 2011.